

BỘ TÀI CHÍNH

**THỊ TRƯỜNG
BẢO HIỂM VIỆT NAM
NĂM 2005**

**NHÀ XUẤT BẢN TÀI CHÍNH
HÀ NỘI - 2006**

THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2001-2005

Thị trường bảo hiểm giai đoạn 2001 – 2005 tiếp tục phát triển ổn định, an toàn, tăng trưởng về hầu hết các chỉ tiêu như doanh thu phí bảo hiểm, huy động nguồn vốn đầu tư dài hạn cho phát triển kinh tế, bù đắp thiệt hại về tài chính cho phát triển kinh tế, bù đắp thiệt hại về tài chính cho các tổ chức, cá nhân không may gặp rủi ro trong sản xuất, kinh doanh và đời sống dân cư, hội nhập quốc tế được đẩy mạnh. Nhờ đó, ngành bảo hiểm đã góp phần duy trì và thúc đẩy sự phát triển ổn định của nền kinh tế và đời sống xã hội. Các thành tựu cơ bản thị trường bảo hiểm đã đạt được trong giai đoạn 2001-2005 là:

Tốc độ tăng trưởng cao, quy mô thị trường được mở rộng: Tốc độ tăng trưởng bình quân của thị trường giai đoạn 2001 – 2005 đạt trên 32%/năm; quy mô thị trường bảo hiểm không ngừng được mở rộng đạt xấp xỉ 16.000 tỷ đồng, chiếm tỉ trọng trên 2%/GDP năm 2005; tổng số tiền các doanh nghiệp bảo hiểm đầu tư trở lại nền kinh tế đã tăng gấp 5 lần từ 5.784 tỷ đồng năm 2001 lên gần 27.000 tỷ đồng năm 2005. Tổng số tiền bồi thường bảo hiểm cho các tổ chức kinh tế và dân cư trong 5 năm qua đạt trên 12.300 tỷ đồng.

Thị trường được định hình vững chắc với đầy đủ các yếu tố thị trường: Với 32 doanh nghiệp thuộc mọi loại hình sở hữu hoạt động kinh doanh bảo hiểm, cơ cấu thị trường đa dạng hoá đã phát huy được thế mạnh của các thành phần kinh tế. Đề án cổ phần hoá Bảo Việt và thí điểm thành lập Tập đoàn Tia chính - Bảo hiểm Bảo Việt, được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, đã mở ra hướng đi mới trong việc hình thành các tập đoàn kinh tế. Sự lớn mạnh của Bảo Minh và Vinare sau cổ phần hoá đã khẳng định quyết tâm thực hiện triệt để công cuộc cổ phần hoá. Các chủ đầu tư trong nước mua lại phần vốn góp của đối tác nước ngoài trong liên doanh và tiếp nhận hoạt động của doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài, đồng thời đảm bảo được quyền lợi của khách hàng, nhà nước và người lao động, đã góp phần nâng cao năng lực tài chính, kinh doanh và sức cạnh tranh của các doanh nghiệp bảo hiểm trong nước.

Cơ chế và phương thức quản lý được đổi mới: Cơ chế kinh doanh, tài chính, chính sách thuế, lao động, tiền lương được thay đổi theo hướng tăng tính tự chủ của các doanh nghiệp trong hoạt động kinh doanh, hài hoà quyền, lợi ích chính đáng của doanh nghiệp, người lao động và khách hàng. Nhờ đó tạo động lực cho doanh nghiệp phát triển, người lao động gắn bó với ngành bảo hiểm và khách hàng cũng tin tưởng hơn vào sự phát triển của thị trường. Phương thức quản lý được thực hiện chủ động nhằm ngăn ngừa các rủi ro cho doanh nghiệp và bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng. Mối quan hệ giữa các cơ quan quản lý, giữa cơ quan quản lý với doanh nghiệp và Hiệp hội được mở rộng, giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp.

Chủ động hội nhập quốc tế: Ngành bảo hiểm đã tích cực, chủ động thực hiện hội nhập quốc tế trên cả ba cấp độ cơ quan quản lý, hiệp hội bảo hiểm và doanh nghiệp bảo hiểm. Thông qua hội nhập, các doanh nghiệp trong nước đã từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh, năng lực tài chính; cải thiện môi trường đầu tư; gia tăng quy mô trao đổi thương mại hàng hoá dịch vụ của Việt Nam ra nước ngoài, đẩy nhanh tiến trình Việt Nam gia nhập WTO.

Tuy nhiên, trong xu thế toàn cầu hoá, nền kinh tế dự kiến tiếp tục tăng trưởng với tốc độ cao, hoạt động thương mại, công nghiệp, xây dựng, du lịch, đầu tư trong nước và nước ngoài phát triển... Yêu cầu về bảo hiểm của nền kinh tế - xã hội ngày càng cao sẽ tạo ra nhiều tiềm năng nhưng cũng là thách thức lớn của ngành bảo hiểm. Để tận dụng cơ hội phát triển, vượt qua thách thức, ngành bảo hiểm cần thực hiện tốt các giải pháp chiến lược phát triển thị trường bảo hiểm đến năm 2010. Trong năm 2006, ngành bảo hiểm phải thực hiện thành công các nhiệm vụ trọng tâm sau:

Phát triển thị trường bền vững: Tăng trưởng đi liền với phát triển bền vững. Tăng trưởng về quy mô, doanh thu ngành bảo hiểm phải đi liền với hiệu quả, an toàn tài chính và sức cạnh tranh của ngành bảo hiểm. Giảm tăng trưởng với nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng, tạo nhiều công ăn việc làm và đóng góp cho ngân sách nhà nước.

Phát huy thế mạnh của các thành phần kinh tế Tiếp tục thực hiện việc sắp xếp các doanh nghiệp có chính sách và phương thức quản lý phù hợp nhằm phát huy tối đa năng lực kinh doanh, khả năng tài chính của các doanh nghiệp bảo hiểm trong nước. Đây là điều có ý nghĩa quyết định, góp phần quan trọng giải quyết các vấn đề xã hội, thúc đẩy và nâng cao hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội. Xây dựng môi trường đầu tư thuận lợi, thu hút vốn, công nghệ, kỹ năng quản lý của nhà đầu tư nước ngoài, tạo thêm điều kiện cho các doanh nghiệp trong nước hoạt động hiệu quả hơn.

Tạo bước đột phá về hội nhập quốc tế: Khẩn trương đổi mới công nghệ và trình độ quản lý, chuẩn bị tốt các điều kiện để thực hiện có hiệu quả các cam kết quốc tế; đổi mới thể chế, hoàn chỉnh cơ chế chính sách nhằm đảm bảo lợi ích quốc gia, phù hợp với chuẩn mực và thông lệ quốc tế và tích cực tham gia quá trình tự do hoá thương mại dịch vụ khi Việt Nam gia nhập WTO.

Đẩy mạnh cải cách hành chính: Đổi mới một cách căn bản các thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho hoạt động và phát triển của các doanh nghiệp, đồng thời phải bảo đảm quản lý chặt chẽ, kiểm tra, kiểm soát được hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của doanh nghiệp nhằm bảo vệ quyền lợi của người tham gia bảo hiểm.

Mặc dù nhiệm vụ đặt ra rất khó khăn, song với những kết quả đạt được, những bước đi và cách làm đã được thực tế kiểm nghiệm trong thời gian qua đã tạo niềm tin tưởng vững chắc cho ngành bảo hiểm thực hiện tốt nhiệm vụ trong năm 2006, hoàn thành xuất sắc các mục tiêu chiến lược phát triển thị trường bảo hiểm đến năm 2010.

MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHỦ YẾU

Các chỉ tiêu chủ yếu	1996	1999	2002	2003	2004	2005
1. Kết cấu thị trường						
• Tổng số DNBH, MGBH	8	15	20	24	26	32
• Doanh nghiệp phi nhân thọ	6	10	13	14	14	16
• Doanh nghiệp nhân thọ	1	3	4	4	5	8
• Doanh nghiệp tái bảo hiểm	1	1	1	1	1	1
• Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm	1	1	2	5	6	7
2. Quy mô thị trường bảo hiểm (tỷ đồng)	1.356	2.291	7.825	11.376	14.088	15.678
• Doanh thu phí bảo hiểm (tỷ đồng)	1.264	2.091	6.992	10.390	12.479	13.558
+ Phi nhân thọ	1.263	1.606	2.624	3.815	4.768	5.535
+ Nhân thọ	1	485	4.368	6.575	7.711	8.023
• Doanh thu đầu tư (tỷ đồng)	92	200	833	986	1.609	2.120
• Đóng góp vào GDP (%)	0,49	0,57	1,46	1,86	1,97	2,03
+ Phi nhân thọ	0,46	0,40	0,49	0,54	0,67	0,72
+ Nhân thọ	1	0,12	0,81	1,18	1,08	1,04
+ Hoạt động đầu tư	0,03	0,05	0,16	0,14	0,22	0,27
• Phí bảo hiểm bình quân đầu người (nghìn đồng)	17	27	88	125	152	163
3. Đóng góp vào ổn định kinh tế - xã hội	809	1.494	4.949	6.393	8.660	9.991
• Bồi thường và trả tiền bảo hiểm (tỷ đồng)	760	789	1.400	1.841	3.276	4.628
• Lập dự phòng nghiệp vụ để đảm bảo trách nhiệm đã cam kết (tỷ đồng)	149	705	3.549	4.163	5.384	5.363
4. Đầu tư trở lại nền kinh tế (tỷ đồng)	1.232	2.664	9.955	14.602	21.195	26.906
6. Năng lực tài chính ngành bảo hiểm						
• Tổng tài sản (tỷ đồng)	1.703	3.692	12.503	18.299	25.177	31.497
• Tổng dự phòng nghiệp vụ (tỷ đồng)	791	2.107	8.685	13.152	18.536	23.899
7. Giải quyết công ăn việc làm (lao động và đại lý bảo hiểm)	7.000	30.000	76.600	125.100	136.700	143.540

TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM VIỆT NAM NĂM 2005

1. Cơ cấu thị trường

Sau 10 năm mở cửa thị trường, đến nay đã có 32 doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế tham gia hoạt động kinh doanh bảo hiểm bao gồm: 3 doanh nghiệp nhà nước, 11 công ty cổ phần, 6 doanh nghiệp liên doanh và 12 doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài.

Bảng 1: Số lượng các doanh nghiệp bảo hiểm theo khối doanh nghiệp

Loại hình doanh nghiệp	Nhà nước	Cổ phần	Liên doanh	100% vốn nước ngoài	Tổng cộng
Bảo hiểm phi nhân thọ	2	6	5	3	16
Bảo hiểm nhân thọ	1		1	6	8
Tái bảo hiểm		1			1
Môi giới bảo hiểm		4		3	7
Tổng cộng	3	11	6	12	32

Ngoài ra, sự góp mặt của 30 văn phòng đại diện của các tổ chức bảo hiểm nước ngoài tại Việt Nam cũng góp phần cải thiện môi trường đầu tư và tăng lòng tin của các nhà đầu tư nước ngoài khi đến làm ăn tại Việt Nam.

2. Quy mô thị trường

Thị trường bảo hiểm đạt tốc độ tăng trưởng cao so với tốc độ tăng trưởng GDP. Tổng doanh thu ngành bảo hiểm 2005 ước đạt 15.678 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 2,03% GDP. Trong đó doanh thu phí bảo hiểm ước đạt 13.558 tỷ đồng, doanh thu hoạt động đầu tư ước đạt 2.120 tỷ đồng.

Trong điều kiện cạnh tranh ngày càng tăng, vai trò, vị trí của các doanh nghiệp bảo hiểm trong nước tiếp tục được củng cố và tăng cường, chiếm 61,12% tổng doanh thu phí bảo hiểm.

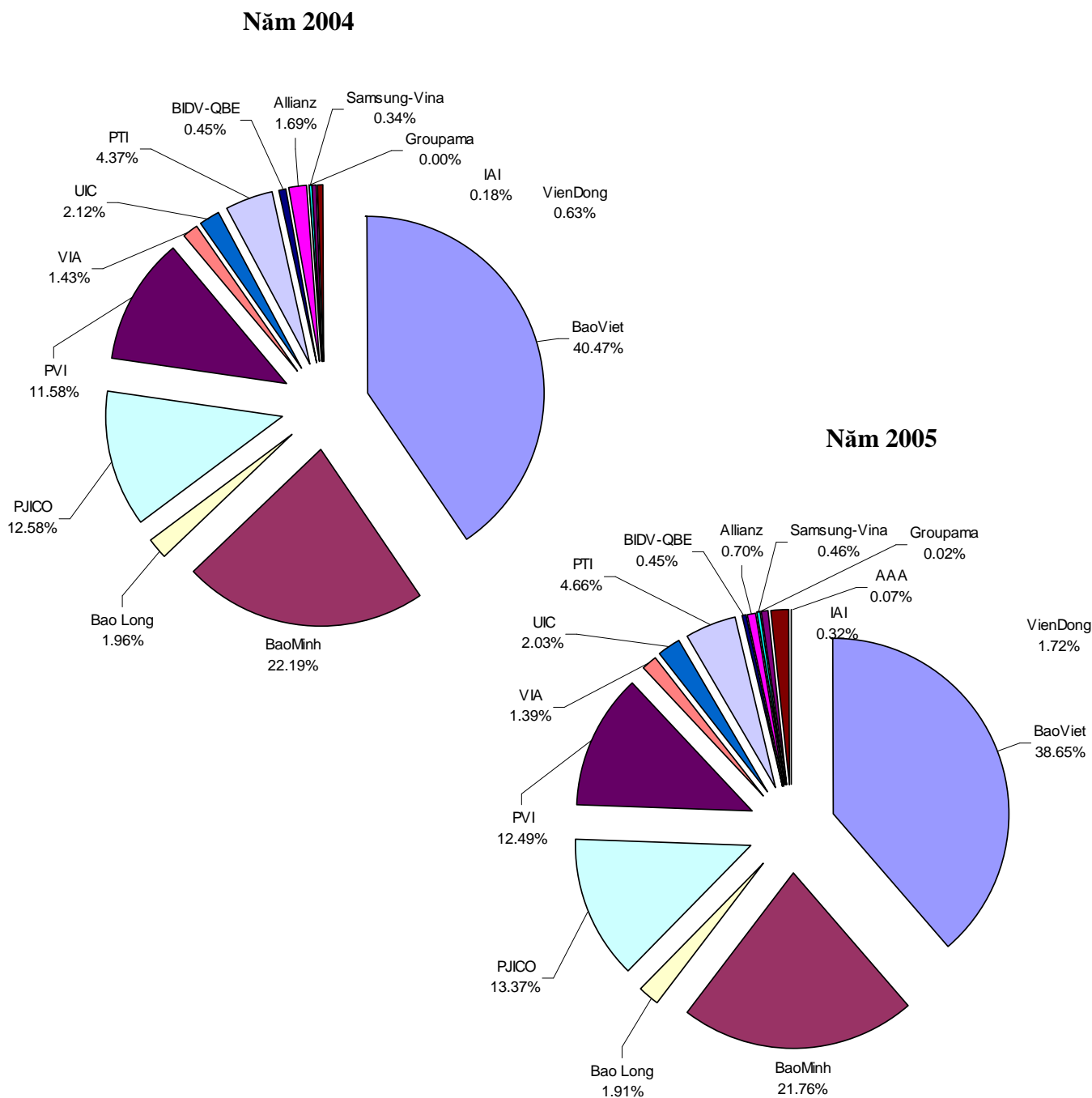
Bảng 2: Doanh thu phí bảo hiểm và thị phần theo khối doanh nghiệp

Các chỉ tiêu	Đơn vị	Phi nhân thọ		Nhân thọ		Toàn thị trường	
		2004	2005	2004	2005	2004	2005
Doanh thu phí bảo hiểm	Tỷ đồng	4.764	5.535	7.711	8.023	12.479	13.558
Tốc độ tăng trưởng	%	25,11	16,10	17,36	4,05	20,21	8,66
Tỷ trọng/tổng phí	%	38,21	40,82	61,79	59,18		
Tỷ trọng phí/GDP	%	0,67	0,72	1,08	1,04	1,75	1,75
Thị phần							
Doanh nghiệp trong nước	%	93,78	94,63	39,47	38,01	60,21	61,12
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	%	6,22	5,37	60,53	61,99	39,79	38,88

3. Hoạt động kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ

Trong năm 2005, doanh thu phí bảo hiểm phi nhân thọ ước đạt 5.535 tỷ đồng tăng trưởng 16,1% so với năm 2004. Các doanh nghiệp trong nước chiếm đến 94,63% thị phần, trong khi các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 5,37%. Cụ thể, thị phần doanh thu phí bảo hiểm tập trung vào các doanh nghiệp trong nước có thâm niên hoạt động trên thị trường như Bảo Việt: 38,65%; Bảo Minh: 21,76%; PJICO: 13,37%; PVI: 12,49%.

Biểu 1: Thị phần doanh thu phí của từng doanh nghiệp

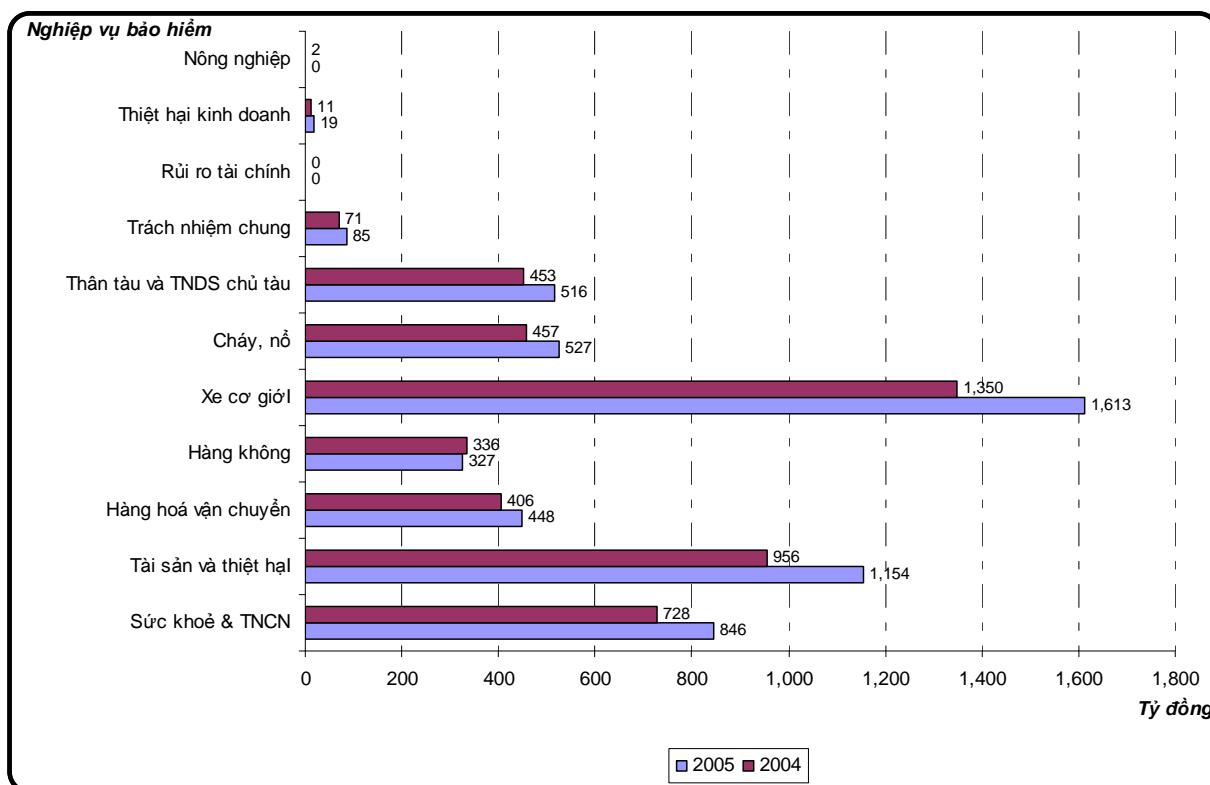


3.1. Cơ cấu doanh thu và tốc độ tăng trưởng phí bảo hiểm theo nghiệp vụ

a) Doanh thu phí bảo hiểm gốc theo nghiệp vụ

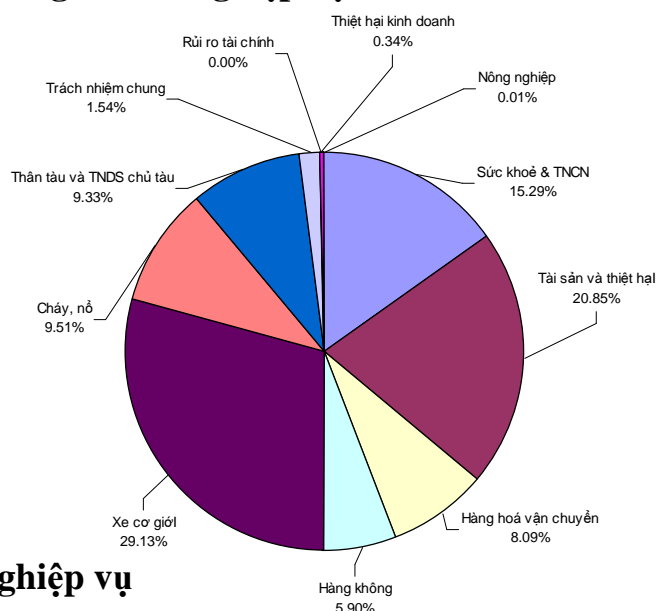
So với năm 2004, nghiệp vụ bảo hiểm tài sản và thiệt hại có tốc độ tăng trưởng cao nhất (20,84%), tiếp đến là các nghiệp vụ bảo hiểm xe cơ giới (19,48%), bảo hiểm sức khoẻ và tai nạn con người (16,21%), bảo hiểm cháy nổ (15,32%), bảo hiểm thân tàu và TNDS của chủ tàu (13,91%). Một số nghiệp vụ có tốc độ tăng trưởng âm như: bảo hiểm hàng không (-2,68%), nghiệp vụ bảo hiểm nông nghiệp gần như không có doanh thu.

Biểu 2: Doanh thu phí gốc theo nghiệp vụ năm 2004-2005



Biểu 3: Cơ cấu doanh thu phí bảo hiểm gốc theo nghiệp vụ năm 2005

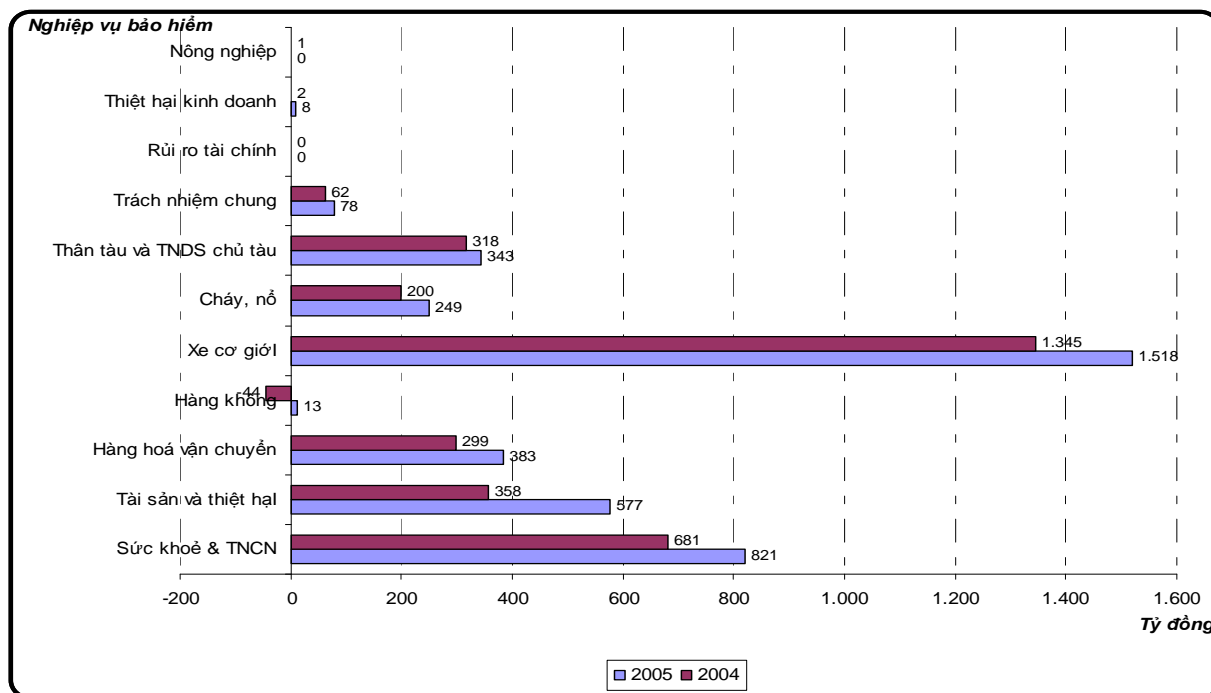
Trong cơ cấu phí bảo hiểm theo nghiệp vụ 2005, nghiệp vụ bảo hiểm xe cơ giới chiếm tỷ trọng lớn nhất (29,13%), tiếp đến là bảo hiểm tài sản và thiệt hại (20,85%), bảo hiểm sức khoẻ và tai nạn con người (15,29%), bảo hiểm cháy, nổ (9,51), bảo hiểm thân tàu và TNDS chủ tàu (9,33%). Bảo hiểm rủi ro tài chính và bảo hiểm nông nghiệp chiếm tỷ trọng không đáng kể.



b) Doanh thu phí bảo hiểm giữ lại theo nghiệp vụ

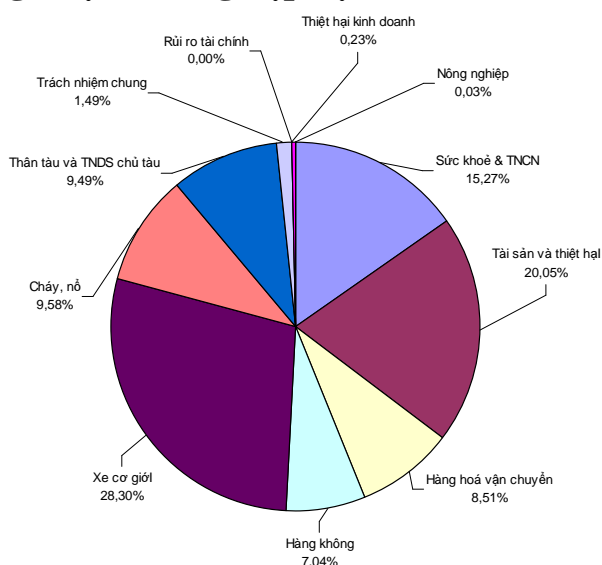
Sau hai năm thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp Chiến lược phát triển thị trường bảo hiểm Việt Nam đến năm 2010 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, năng lực tài chính, năng lực kinh doanh của các doanh nghiệp bảo hiểm đã tăng lên đáng kể, công tác đánh giá rủi ro và đề phòng hạn chế tổn thất cũng được cải thiện một bước. Kết quả là, mức phí giữ lại của toàn thị trường tăng lên so với năm 2004, trong đó một số nghiệp vụ tăng mạnh như: nghiệp vụ bảo hiểm thiệt hại kinh doanh tăng 400%, bảo hiểm tài sản và thiệt hại tăng 61,17%, bảo hiểm hàng hoá vận chuyển tăng 28,1%, nghiệp vụ bảo hiểm trách nhiệm chung tăng 25,81%, bảo hiểm cháy, nổ tăng 24,5%, nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe và tai nạn con người tăng 20,56%, nghiệp vụ bảo hiểm xe cơ giới tăng 12,86%.

Biểu 4: Doanh thu phí giữ lại theo nghiệp vụ



Biểu 5: Cơ cấu doanh thu phí bảo hiểm giữ lại theo nghiệp vụ năm 2005

Trong cơ cấu doanh thu phí giữ lại của thị trường bảo hiểm Việt Nam, nghiệp vụ bảo hiểm xe cơ giới chiếm tỷ trọng lớn nhất (28,3%) tổng phí bảo hiểm giữ lại, tiếp đến là bảo hiểm tài sản và thiệt hại (20,05%), bảo hiểm sức khỏe và tai nạn con người (15,27%). Các nghiệp vụ có tỷ trọng phí bảo hiểm giữ lại thấp là bảo hiểm nông nghiệp (0,03%), bảo hiểm thiệt hại kinh doanh (0,23%)...



3.2. Bồi thường bảo hiểm

Số tiền bồi thường bảo hiểm gốc năm 2005 là: 2.091 tỷ đồng, số tiền bồi thường thuộc trách nhiệm giữ lại khoảng 1.625 tỷ đồng. Tỷ lệ bồi thường bảo hiểm gốc và thực bồi thường năm 2005 tương đối ổn định so với năm 2004 và ở mức cho phép, thể hiện hoạt động kinh doanh bảo hiểm của các doanh nghiệp vẫn đạt hiệu quả. Vai trò của bảo hiểm trong việc đề phòng, khắc phục và hạn chế những tổn thất cho các đối tượng tham gia bảo hiểm, góp phần giảm nhẹ gánh nặng cho ngân sách nhà nước được nâng cao.

Bảng 3: Số tiền bồi thường và tỷ lệ bồi thường bảo hiểm

Chỉ tiêu	Tỷ đồng	
	2004	2005
Bồi thường BH gốc	1.717	2.091
Bồi thường BH thuộc trách nhiệm giữ lại	1.443	1.625

3.3. Dự phòng nghiệp vụ

Cùng với sự tăng trưởng về doanh thu phí bảo hiểm, phát triển hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp, dự phòng nghiệp vụ cũng được trích lập đầy đủ và tăng tương ứng với phần trách nhiệm bảo hiểm giữ lại, nhằm đảm bảo khả năng thanh toán của doanh nghiệp bảo hiểm. Năm 2005, tổng số tiền trích lập dự phòng nghiệp vụ của các doanh nghiệp bảo hiểm (bao gồm cả Vinare) tăng 28,46% so với năm 2004, cao gần gấp đôi tốc độ tăng trưởng doanh thu phí bảo hiểm.

Bảng 4: Tổng dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ năm 2005

Dự phòng nghiệp vụ	2004 (tỷ đồng)	2005 (tỷ đồng)	Tăng trưởng (%)
Dự phòng phí	1.256	1.709	36,07
Dự phòng bồi thường	488	773	58,40
Dự phòng dao động lớn	994	1.034	4,02
Tổng số	2.737	3.516	28,46

4. Hoạt động kinh doanh bảo hiểm nhân thọ

4.1. Tình hình khai thác mới đối với các sản phẩm bảo hiểm chính:

Trong năm 2005, các doanh nghiệp bảo hiểm đã khai thác mới 820.000 hợp đồng bảo hiểm, tăng 26.000 hợp đồng và bằng 103,27% so với năm 2004. Tổng số tiền bảo hiểm của các hợp đồng bảo hiểm khai thác mới đạt 20.626 tỷ đồng, giảm 1.253 tỷ đồng và bằng 94,27% so với năm 2004. Bình quân số tiền bảo hiểm của hợp đồng khai thác mới trong năm 2005 cũng giảm 2,4 triệu đồng tương ứng 8,7% so với năm 2004.

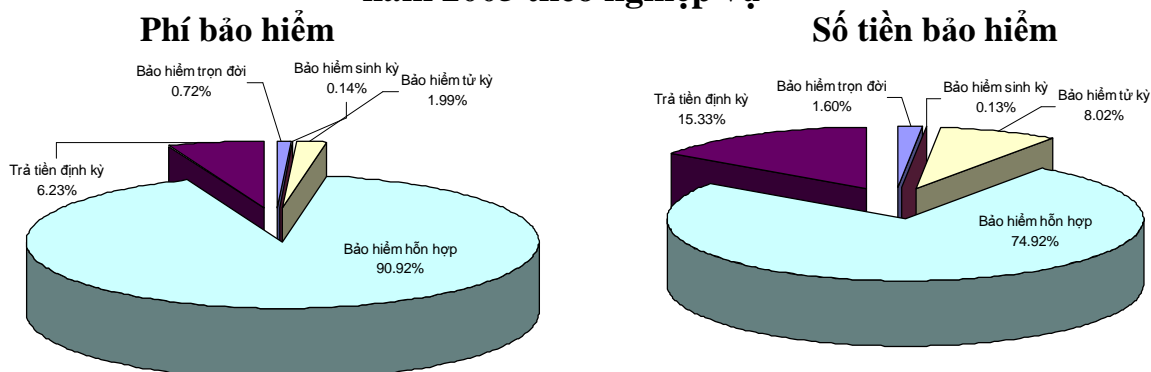
Doanh thu phí bảo hiểm của các hợp đồng khai thác mới đạt 1.348 tỷ đồng, giảm 291 tỷ đồng và bằng 82,24% so với năm 2004. Doanh thu từ các hợp đồng đóng phí định kỳ chiếm 98,89% doanh thu phí tăng so với 94,81% của năm 2004. Tương ứng doanh thu phí bảo hiểm từ các hợp đồng đóng phí một lần giảm từ 5,19% năm 2004 xuống 1,11% năm 2005.

Bảng 5: Số hợp đồng, số tiền bảo hiểm và số phí bảo hiểm khai thác mới trong năm theo nghiệp vụ

Nghiệp vụ	Số lượng hợp đồng (000)		Số tiền bảo hiểm (tỷ đồng)		Phí bảo hiểm (tỷ đồng)					
					Định kỳ		Một lần		Tổng số	
	2004	2005	2004	2005	2004	2005	2004	2005	2004	2005
Bảo hiểm trọn đời	12	5	565	331	21	9	3	0	24	10
Bảo hiểm sinh kỳ	2	1	105	28	6	2	41	0	47	2
Bảo hiểm tử kỳ	18	34	793	1.654	6	27		0	6	27
Bảo hiểm hỗn hợp	759	575	20.400	15.452	1.516	1.226		0	1.516	1.226
Bảo hiểm trả tiền định kỳ	3	205	16	3.162	5	69	41	14	46	84
Tổng số	794	820	21.879	20.626	1.554	1.333	85	15	1.639	1.348

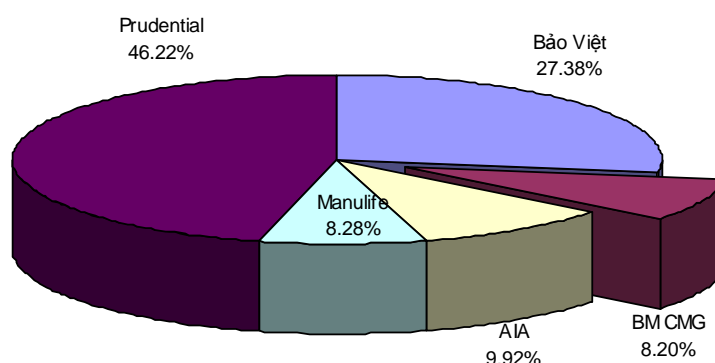
Tổng tổng doanh thu phí bảo hiểm khai thác mới, doanh thu từ nghiệp vụ bảo hiểm hỗn hợp chiếm 90,92%, tiếp theo là bảo hiểm trả tiền định kỳ 6,23%, bảo hiểm tử kỳ 1,99%, bảo hiểm trọn đời 0,72%, thấp nhất là bảo hiểm sinh kỳ với 0,14%. Trong tổng số tiền bảo hiểm khai thác mới, bảo hiểm hỗn hợp chiếm tỷ trọng lớn 74,92%, tiếp theo là bảo hiểm trả tiền định kỳ 15,33%, bảo hiểm tử kỳ 8,02%, bảo hiểm trọn đời 1,60% và bảo hiểm sinh kỳ 0,13%.

Biểu 6: Phí bảo hiểm và số tiền bảo hiểm khai thác mới năm 2005 theo nghiệp vụ



Trong tổng số 1.348 tỷ đồng doanh thu phí của các hợp đồng bảo hiểm khai thác mới, Prudential chiếm tỷ trọng cao nhất với 46,22%, Bảo Việt Nhân thọ chiếm 27,38%, AIA chiếm 9,92%, Manulife chiếm 8,28% và Bảo Minh CMG chiếm 8,20%.

Biểu 7: Thị phần doanh thu phí bảo hiểm khai thác mới theo doanh nghiệp năm 2005



4.2. Tình hình hủy bỏ hợp đồng bảo hiểm trong năm 2005 của các sản phẩm chính

Tổng số hợp đồng bảo hiểm hủy bỏ trong năm 2005 là 747.254 hợp đồng, trong đó số hợp đồng bảo hiểm hủy bỏ năm thứ nhất là 331.059 hợp đồng chiếm tỷ lệ 4,5% số hợp đồng có hiệu lực, số hợp đồng bảo hiểm hủy bỏ năm thứ hai là 220.070 hợp đồng chiếm tỷ lệ 2,99% số hợp đồng có hiệu lực và số hợp đồng trong các năm sau là 196.125 hợp đồng chiếm tỷ lệ 2,66% trên tổng số hợp đồng có hiệu lực.

Bảng 6: Tình hình hủy bỏ hợp đồng năm 2005 theo nghiệp vụ

Nghiệp vụ	Trong năm hợp đồng thứ nhất		Trong năm hợp đồng thứ hai		Trong năm hợp đồng sau	
	Số HĐ	Tỷ lệ	Số HĐ	Tỷ lệ	Số HĐ	Tỷ lệ
Bảo hiểm trọn đời	4.028	8,11%	3.088	6,28%	2.722	5,55%
Bảo hiểm sinh kỳ	782	1,57%	228	0,46%	41	0,08%
Bảo hiểm tử kỳ	11.521	4,65%	10.193	4,13%	5.379	2,20%
Bảo hiểm hỗn hợp	194.376	3,26%	116.424	1,96%	154.886	2,60%
Bảo hiểm trả tiền định kỳ	120.352	16,83%	90.137	12,88%	33.097	4,93%

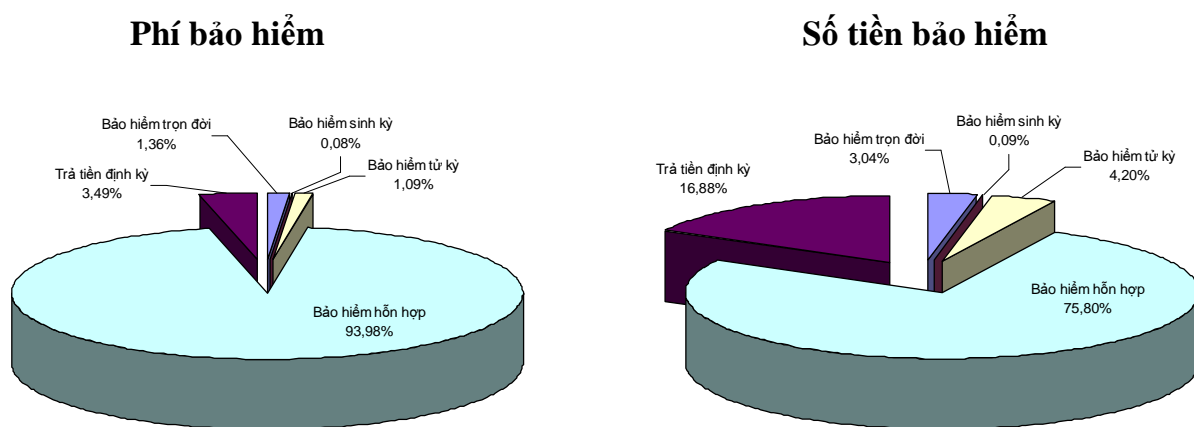
4.3. Các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ có hiệu lực

Mặc dù tốc độ hợp đồng khai thác mới có chậm lại, song số hợp đồng có hiệu lực trong năm vẫn tăng lên đáng kể trên các phương diện như: số hợp đồng, số tiền bảo hiểm, phí bảo hiểm. Trong đó, các sản phẩm bảo hiểm hỗn hợp chiếm tỷ trọng phí bảo hiểm và số tiền bảo hiểm cao nhất (93,98% và 75,80%).

Bảng 7: Số hợp đồng, số tiền bảo hiểm và số phí bảo hiểm có hiệu lực theo nghiệp vụ

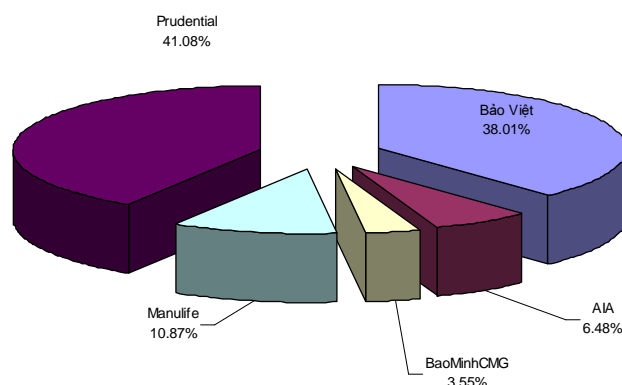
Nghiệp vụ	Số hợp đồng (000)		Số tiền bảo hiểm (tỷ đồng)		Phí bảo hiểm (tỷ đồng)	
	2004	2005	2004	2005	2004	2005
Bảo hiểm trọn đời	66	61	3.991	3.722	126	109
Bảo hiểm sinh kỳ	4	3	119	105	52	6
Bảo hiểm tử kỳ	93	125	3.678	5.144	72	87
Bảo hiểm hỗn hợp	3.316	3.487	86.047	92.941	7.176	7.505
Bảo hiểm trả tiền định kỳ	12	1.298	61	20.703	78	279
Tổng số	3.491	4.975	93.896	122.616	7.504	7.985

Biểu 8: Phí bảo hiểm và số tiền bảo hiểm có hiệu lực trong năm 2005 theo nghiệp vụ



Năm 2005, thị phần phí bảo hiểm của các hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực có sự thay đổi so với các hợp đồng bảo hiểm khai thác mới, và theo thứ tự sau: Prudential, Bảo Việt Nhân thọ, Manulife, AIA và Bảo Minh CMG.

Biểu 9: Thị phần phí bảo hiểm các hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực của các doanh nghiệp năm 2005



4.4 Tình hình trả tiền bảo hiểm:

Tổng số tiền bảo hiểm các doanh nghiệp đã chi trả trong năm 2005 cho các sản phẩm chính là 1.354 tỷ đồng, tăng 66,60%; trả giá trị hoàn lại là 766 tỷ đồng. Tăng 33,23% so với năm 2004. Số tiền chi trả bảo hiểm và trả giá trị hoàn lại tập trung chủ yếu vào các sản phẩm hỗn hợp, cho thấy, số đối tượng tham gia bảo hiểm được hưởng các quyền lợi bảo hiểm ngày càng nhiều qua các sản phẩm bảo hiểm có tính ưu việt mang tính chất bảo vệ, tiết kiệm, và đầu tư.

Bảng 8: Tình hình trả tiền bảo hiểm năm 2004 – 2005

Nghệp vụ	Trả tiền bảo hiểm gốc (triệu đồng)		Trả giá trị hoàn lại (triệu đồng)	
	2004	2005	2004	2005
Bảo hiểm trọn đời	5.523	16.894	16.771	8.228
Bảo hiểm sinh kỳ	3	106	3	1.006
Bảo hiểm tử kỳ	3.592	9.448	0	2
Bảo hiểm hỗn hợp	803.260	1.317.567	488.533	700.090
Bảo hiểm trả tiền định kỳ	439	10.137	69.590	56.586
Tổng số	812.817	1.354.152	574.897	765.912

4.5 Dự phòng nghiệp vụ

Cũng giống như trong lĩnh vực phi nhân thọ, nhờ sự tăng trưởng về doanh thu phí bảo hiểm, phát triển hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp, dự phòng nghiệp vụ cũng được trích lập đầy đủ và tăng lên tương ứng với phần trách nhiệm bảo hiểm, nhằm đảm bảo khả năng thanh toán của doanh nghiệp bảo hiểm. Năm 2005, tổng trích lập dự phòng nghiệp vụ của các doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ đạt 20.383 tỷ đồng, tăng 29% so với năm 2004.

Bảng 9: Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ năm 2005

Dự phòng nghiệp vụ	DPNV trích trong năm		Tăng trưởng	Tổng DPNV		Tăng trưởng
	2004	2005		2004	2005	
Dự phòng toán học, dự phòng phí	4.567	5.433	19%	14.677	20.112	37%
Dự phòng bồi thường	1	1	0%	20	21	5%
Dự phòng đảm bảo cân đối	1	2	100%	4	6	50%
Dự phòng chia lãi	424	(853)	-301%	1.097	244	-78%
Tổng số	4.992	4.583	-8%	15.798	20.383	29%

5. TÁI BẢO HIỂM

Năm 2005, tổng mức phí giữ lại của thị trường chiếm 88,23% tổng phí bảo hiểm gốc. Phí bảo hiểm nhận tái từ thị trường nước ngoài tăng từ 63 tỷ đồng năm 2004 lên 98 tỷ đồng năm 2005. Tổng phí bảo hiểm giữ lại tại thị trường trong nước tăng từ 10.956 tỷ đồng năm 2004 lên 11.962 tỷ đồng năm 2005. Điều này xuất phát từ năng lực tài chính, năng lực kinh doanh, công tác đánh giá rủi ro và đề phòng hạn chế tổn thất của các doanh nghiệp bảo hiểm được cải thiện nên đã làm tăng mạnh doanh thu phí bảo hiểm, tăng năng lực giữ lại của thị trường. Hoạt động tái bảo hiểm trong nước của các doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm đã có nhiều đóng góp tích cực đến thị trường bảo hiểm nói riêng và nền kinh tế của chung, không những làm tăng mức phí bảo hiểm giữ lại của thị trường trong nước, hạn chế tình trạng chuyển ngoại tệ ra nước ngoài thông qua việc tái bảo hiểm cho các công ty nước ngoài mà còn là công cụ giúp Nhà nước kiểm soát tình hình hoạt động và tình trạng tài chính cũng như khả năng thanh toán của các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người tham gia bảo hiểm, góp phần duy trì mối quan hệ chặt chẽ hơn giữa các doanh nghiệp bảo hiểm gốc và doanh nghiệp nhận tái bảo hiểm.

Bảng 10: Hoạt động tái bảo hiểm năm 2004 - 2005

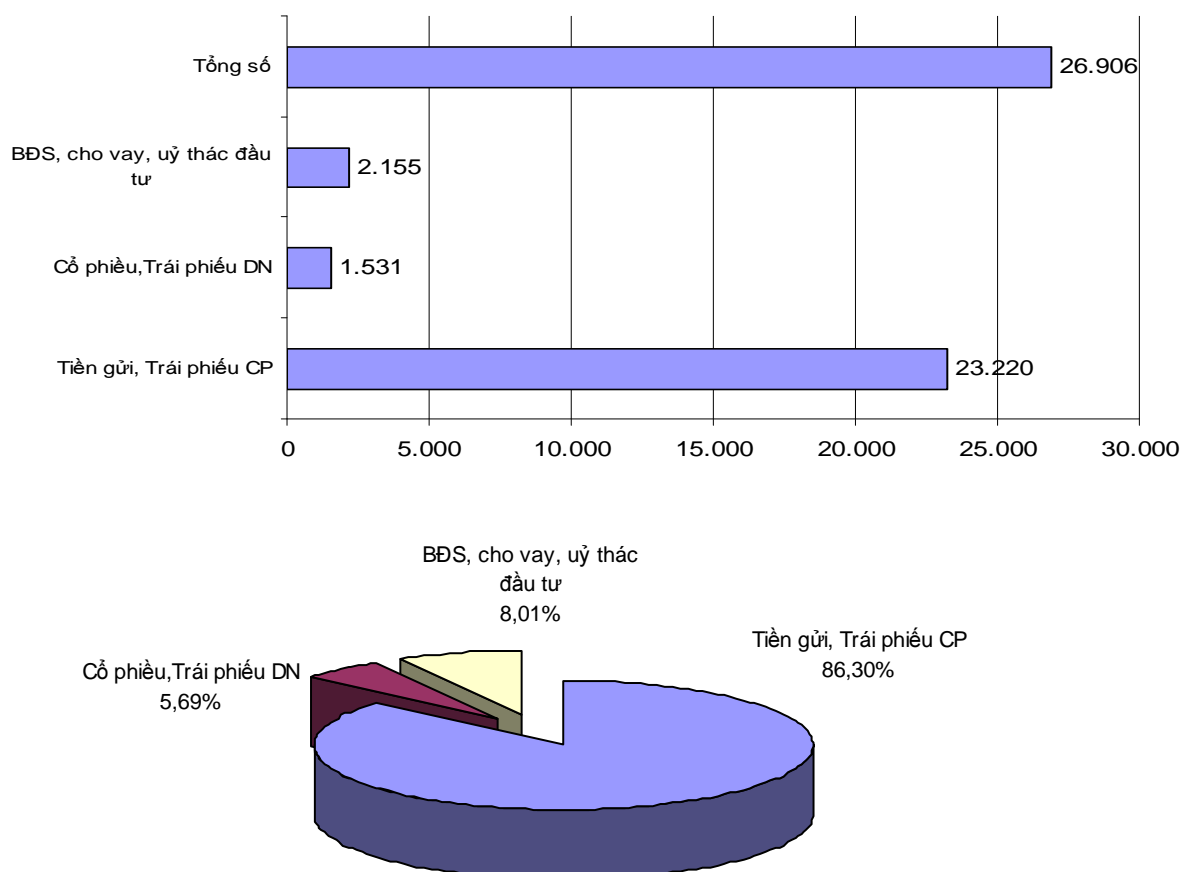
Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2004	Năm 2005
Tổng phí bảo hiểm gốc	12.479	13.558
Phi nhân thọ	4.768	5.535
Nhân thọ	7.711	8.023
Nhận tái từ thị trường nước ngoài	63	98
Phi nhân thọ	63	98
Nhân thọ		
Nhượng tái ra thị trường nước ngoài	1.946	1.694
Phi nhân thọ	1.609	1.641
Nhân thọ	337	53
Tổng phí bảo hiểm giữ lại	11.256	11.962
Phi nhân thọ	3.822	3.992
Nhân thọ	7.374	7.970

6. HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ CỦA CÁC DOANH NGHIỆP BẢO HIỂM

Các doanh nghiệp bảo hiểm đã tạo lập nguồn vốn lớn và dài hạn cho đầu tư phát triển kinh tế - xã hội. Riêng trong năm 2005, tổng số tiền các doanh nghiệp bảo hiểm đã huy động để đầu tư trở lại nền kinh tế là 5.711 tỷ đồng, nâng tổng số tiền đầu tư của toàn ngành bảo hiểm đến cuối năm 2005 lên 26.906 tỷ đồng tăng 27% so với năm 2004. Công tác đầu tư vốn của các doanh nghiệp bảo hiểm ngày càng được cải thiện và đi vào chiều sâu nhằm đảm bảo lựa chọn được các dự án đầu tư thích hợp, an toàn cho nguồn vốn và mang lại hiệu quả kinh tế cao như góp vốn liên doanh, tham gia thành lập công ty cổ phần, cho vay, tham gia các dự án đầu tư, mua trái phiếu Chính phủ, mua cổ phiếu, gửi tiết kiệm ngân hàng... Hiệu quả và an toàn trong công tác đầu tư ngày càng được chú trọng, năm 2005, có đến 86,30% tổng số tiền đầu tư được gửi tại các tổ chức tín dụng và mua trái phiếu Chính phủ. Thông qua hoạt động đa dạng hoá đầu tư, các doanh nghiệp bảo hiểm đã thu được nhiều kết quả quan trọng từ đầu tư tài chính; hoạt động đầu tư tài chính hình thành phần lớn lợi nhuận cho các doanh nghiệp bảo hiểm và trở thành xương sống nâng đỡ cho các doanh nghiệp bảo hiểm, nhất là các doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ.

Biểu 10: Cơ cấu đầu tư của các doanh nghiệp bảo hiểm theo danh mục đầu tư 2005

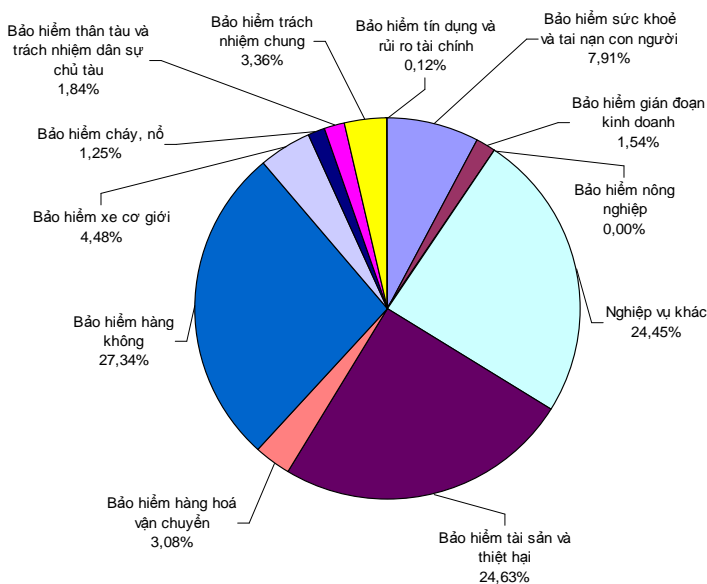


7. HOẠT ĐỘNG TRUNG GIAN BẢO HIỂM

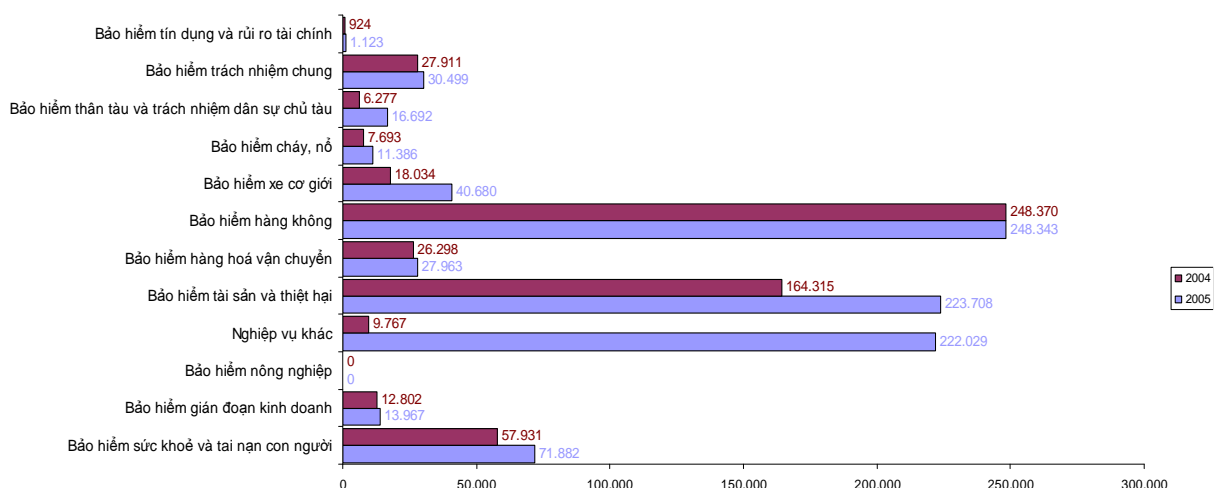
Năm 2005, hoạt động của các doanh nghiệp môi giới bảo hiểm vẫn chỉ giới hạn trong hoạt động bảo hiểm Phi nhân thọ. Tổng phí bảo hiểm thu xếp qua các công ty môi giới bảo hiểm năm 2005 đạt 908 tỷ đồng, tăng 57% so với năm 2004, chiếm 16,41% tổng phí bảo hiểm phi nhân thọ toàn thị trường của năm. Hoạt động môi giới bảo hiểm tập trung vào các nghiệp vụ bảo hiểm hàng không (27,34%), Bảo hiểm tài sản và thiệt hại

(24,63%), bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người (7,91%). Trong tổng số phí bảo hiểm thu xếp qua môi giới bảo hiểm 100% vốn đầu tư nước ngoài. Đây là những công ty thuộc các tập đoàn môi giới bảo hiểm hàng đầu thế giới, có kinh nghiệm và có mạng lưới kinh doanh toàn cầu. Các công ty cổ phần môi giới đã có những phát triển đáng kể với tổng phí bảo hiểm thu xếp được chiếm tới 16,23% tổng phí bảo hiểm thu xếp được qua môi giới, trong khi đó tỷ trọng này của năm 2004 chỉ đạt 12,2%.

Biểu 11. Tỷ trọng phí bảo hiểm thu xếp qua môi giới năm 2005 (theo từng nghiệp vụ)

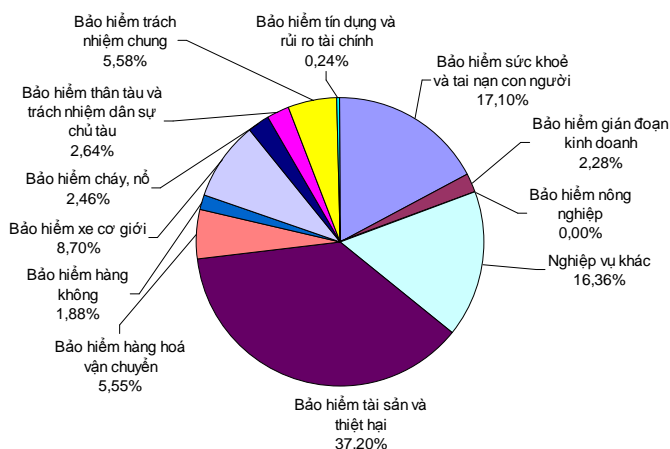


Biểu 12. Phí bảo hiểm thu xếp qua môi giới bảo hiểm 2004 - 2005

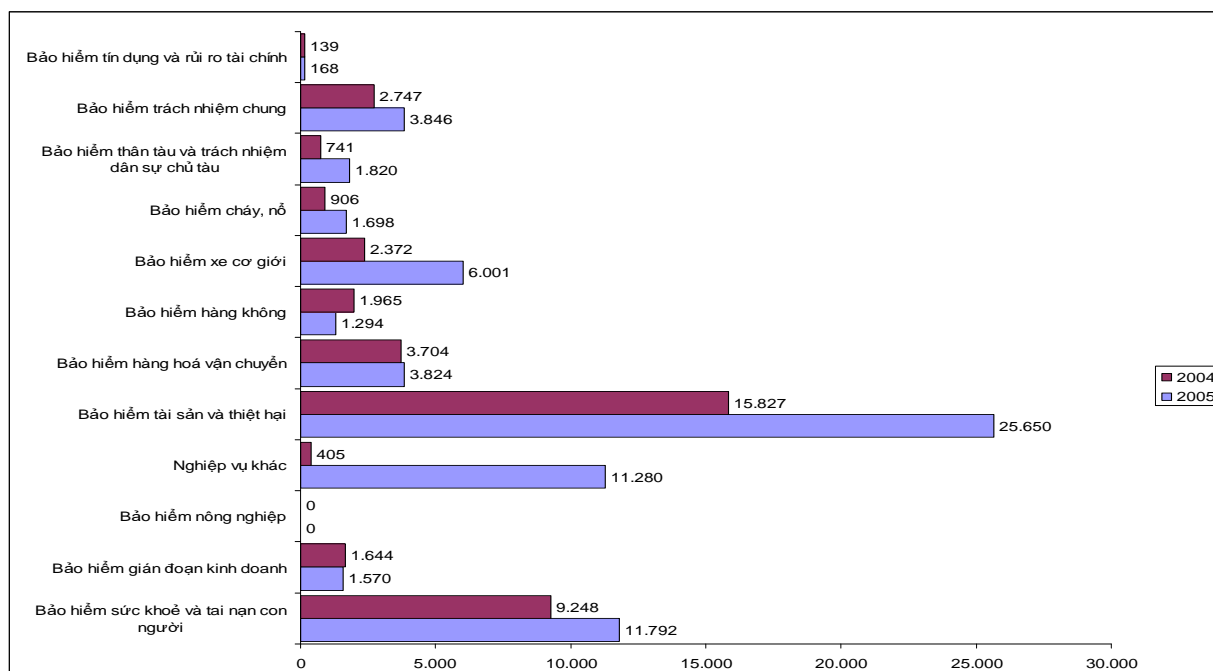


Hoa hồng môi giới bảo hiểm năm 2005 đạt 68,9 tỷ đồng, tăng 74% so với năm 2004, tập trung chủ yếu vào các nghiệp vụ bảo hiểm tài sản và thiệt hại (37,20%), bảo hiểm sức khỏe và tai nạn con người (17,1%), bảo hiểm gián đoạn kinh doanh (2,28%), bảo hiểm nông nghiệp (0,00%), Nghiệp vụ khác (16,36%), Bảo hiểm trách nhiệm, bảo hiểm hàng hóa vận chuyển. Nghiệp vụ bảo hiểm hàng không mặc dù chiếm tỷ trọng lớn trong số tiền bảo hiểm nhưng hoa hồng môi giới thu được chỉ chiếm 1,88% trên tổng hoa hồng môi giới.

Biểu 13. Tỷ trọng hoa hồng môi giới bảo hiểm năm 2005 (theo nghiệp vụ)



Biểu 14. Hoa hồng môi giới bảo hiểm năm 2004 – 2005 (theo nghiệp vụ)



Trong số các công ty môi giới bảo hiểm, Aon Việt Nam vẫn khẳng định được vị trí dẫn đầu trên thị trường môi giới Việt Nam, chiếm 46,57% phí bảo hiểm thu xếp qua môi giới và xấp xỉ 36% tổng hoa hồng môi giới bảo hiểm. Marsh Việt Nam mặc dù mới tham gia thị trường môi giới từ đầu năm 2005, song đã vươn lên vị trí thứ 2 trên thị trường.

ĐẠI LÝ BẢO HIỂM

Tổng số nhân viên và đại lý hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm năm 2005 đạt trên 130 nghìn người, tăng 5% so với năm 2004, trong đó, lao động trong lĩnh vực nhân thọ là 95 nghìn đại lý, chiếm 73% tổng số đại lý, giảm gần 4% so với năm 2004. Số đại lý hoạt động trong lĩnh vực phi nhân thọ là trên 35 nghìn đại lý. Tăng 36% và chiếm 27% tổng số đại lý bảo hiểm.

CÁC PHỤ LỤC THỐNG KÊ

Phụ lục 1: Danh sách các doanh nghiệp trên thị trường

TT	Tên doanh nghiệp	Năm thành lập	Khối doanh nghiệp	Vốn điều lệ
I. Các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ				
Các doanh nghiệp trong nước				
1.	Bảo hiểm Việt Nam	1964	Nhà nước	900 tỷ đồng
2.	Công ty bảo hiểm dầu khí (PVI)	1996	Nhà nước	100 tỷ đồng
3.	Tổng công ty cổ phần Bảo Minh	1994	Cổ phần	1100 tỷ đồng
4.	Công ty cổ phần bảo hiểm Petrolimex (PJICO)	1995	Cổ phần	70 tỷ đồng
5.	Công ty Cổ phần bảo hiểm Nhà Rồng (Bảo Long)	1995	Cổ phần	70 tỷ đồng
6.	Công ty cổ phần bảo hiểm bưu điện (PTI)	1998	Cổ phần	70 tỷ đồng
7.	Công ty cổ phần bảo hiểm Viễn Đông	2003	Cổ phần	200 tỷ đồng
8.	Công ty cổ phần bảo hiểm AAA	2005	Cổ phần	80 tỷ đồng
Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài				
9.	Công ty liên doanh bảo hiểm quốc tế Việt Nam (VIA)	1996	Liên doanh	6,2 triệu USD
10.	Công ty liên doanh bảo hiểm liên hiệp (UIC)	1997	Liên doanh	6 triệu USD
11.	Công ty TNHH bảo hiểm Allianz (Việt Nam)	1999	100% vốn nước ngoài	6,295 triệu USD
12.	Công ty liên doanh bảo hiểm Việt - Úc (BIDV-QBE)	1999	Liên doanh	5 triệu USD
13.	Công ty bảo hiểm tổng hợp Groupama Việt Nam	2001	100% vốn nước ngoài	5 triệu USD
14.	Công ty liên doanh TNHH bảo hiểm Samsung-Vina	2002	Liên doanh	5 triệu USD
15.	Công ty TNHH bảo hiểm châu á - Ngân hàng công thương (IAI)	2002	Liên doanh	6 triệu USD
16.	Công ty TNHH bảo hiểm phi nhân thọ AIG (Việt Nam)	2005	100% vốn nước ngoài	10 triệu USD
II. Các doanh nghiệp tái bảo hiểm				
17.	Công ty Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam (VINARE)	1994	Nhà nước	500 tỷ đồng
III. Các doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ				
Các doanh nghiệp trong nước				
18.	Bảo hiểm Nhân thọ Việt Nam	2004	Nhà nước	1500 tỷ đồng
Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài				
19.	Công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ Bảo Minh CMG	1999	Liên doanh	10 triệu USD
20.	Công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt Nam	1999	100% vốn nước ngoài	75 triệu USD
21.	Công ty TNHH bảo hiểm Manulife	1999	100% vốn nước ngoài	10 triệu USD
22.	Công ty TNHH bảo hiểm quốc tế Mỹ (Việt Nam)	2000	100% vốn nước ngoài	11,5 triệu USD
23.	Công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ ACE	2005	100% vốn nước ngoài	20 triệu USD
24.	Công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ Prevoir Việt Nam	2005	100% vốn nước ngoài	10 triệu USD
25.	Công ty TNHH bảo hiểm New York Life Việt Nam	2005	100% vốn nước ngoài	10 triệu USD
IV. Các doanh nghiệp môi giới bảo hiểm				
Các doanh nghiệp trong nước				
26.	Công ty cổ phần môi giới bảo hiểm Việt Quốc	2001	Cổ phần	6 tỷ đồng
27.	Công ty cổ phần môi giới bảo hiểm á Đông	2003	Cổ phần	6 tỷ đồng
28.	Công ty cổ phần môi giới bảo hiểm Đại Việt	2003	Cổ phần	6 tỷ đồng
29.	Công ty cổ phần môi giới bảo hiểm Thái Bình Dương	2005	Cổ phần	6 tỷ đồng
Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài				
30.	Công ty TNHH Aon Việt Nam	1993	100% vốn nước ngoài	300.000 USD
31.	Công ty môi giới bảo hiểm Grassavoye	2003	100% vốn nước ngoài	300.000 USD
32.	Công ty TNHH môi giới bảo hiểm Marsh Việt Nam	2004	100% vốn nước ngoài	300.000 USD

Phụ lục 2: Doanh thu phí và thị phần năm 2004 và ước năm 2005 của từng doanh nghiệp

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Tên doanh nghiệp	Doanh thu phí bảo hiểm gốc		Thị phần	
		2004	Ước 2005	2004	Ước 2005
Bảo hiểm phi nhân thọ		4.768	5.535	100,00%	100,00%
<i>Doanh nghiệp trong nước</i>		<i>4.471</i>	<i>5.237</i>	<i>93,78%</i>	<i>94,63%</i>
1	Bảo hiểm Việt Nam	1.929	2.138	40,47%	38,64%
2	Công ty bảo hiểm dầu khí (PVI)	208	258	4,37%	4,67%
3	Công ty bảo hiểm thành phố Hồ Chí Minh (Bảo Minh)	1.058	1.204	22,19%	21,76%
4	Công ty bảo hiểm Petrolimex	600	740	12,58%	13,37%
5	Công ty cổ phần bảo hiểm Nhà Rồng (Bảo Long)	93	106	1,96%	1,92%
6	Công ty cổ phần bảo hiểm Bưu điện	552	691	11,58%	12,49%
7	Công ty cổ phần bảo hiểm Viễn Đông	30	95	0,63%	1,72%
8	Công ty cổ phần bảo hiểm AAA		4		0,07%
<i>Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài</i>		<i>297</i>	<i>297</i>	<i>6,22%</i>	<i>5,37%</i>
9	Công ty liên doanh bảo hiểm quốc tế Việt Nam (VIA)	68	77	1,43%	1,40%
10	Công ty liên doanh bảo hiểm Liên hiệp (UIC)	101	112	2,12%	2,03%
11	Công ty TNHH bảo hiểm Allianz (Việt Nam)	81	39	1,69%	0,70%
12	Công ty liên doanh bảo hiểm Việt Úc	22	25	0,45%	0,45%
13	Công ty bảo hiểm tổng hợp Groupama Việt Nam	0	1	0,00%	0,02%
14	Công ty liên doanh TNHH bảo hiểm Samsung Vina	16	26	0,34%	0,46%
15	Công ty TNHH bảo hiểm Châu Á - Ngân hàng công thương (IAI)	9	18	0,18%	0,32%
Bảo hiểm nhân thọ		7.711	8.023	100,00%	100,00%
<i>Doanh nghiệp trong nước</i>		<i>3.043</i>	<i>3.050</i>	<i>39,47%</i>	<i>38,01%</i>
16	Bảo Việt Nhân thọ Việt Nam	3.043	3.050	39,47%	38,01%
<i>Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài</i>		<i>4.667</i>	<i>4.973</i>	<i>60,53%</i>	<i>61,99%</i>
17	Công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ Bảo Minh CMG	212	285	2,74%	3,55%
18	Công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt Nam	3.104	3.296	40,25%	41,08%
19	Công ty TNHH bảo hiểm Manulife	889	872	11,53%	10,87%
20	Công ty TNHH bảo hiểm quốc tế Mỹ (AIA)	463	520	6,01%	6,48%
Tổng doanh thu phí thị trường		12.479	13.558		

Phụ lục 3: Các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng doanh nghiệp năm 2004-2005

STT	Tên doanh nghiệp	2004					2005				
		Doanh thu phí bảo hiểm gốc	Tỷ lệ bồi thường	Tỷ lệ chi phí	Vốn chủ sở hữu	Tổng tài sản	Doanh thu phí bảo hiểm gốc	Tỷ lệ bồi thường	Tỷ lệ chi phí	Vốn chủ sở hữu	Tổng tài sản
Bảo hiểm phi nhân thọ		4.768			2.043	5.830	5.535			2.364	6.904
Doanh nghiệp trong nước		4.471			1.401	4.846	5.237			1.705	5.855
1	Bảo hiểm Việt Nam	1.929	54,7%	30,4%	350	1.752	2.138	58,6%	30,2%	516	2.324
2	Công ty bảo hiểm dầu khí (PVI)	552	11,4%	62,7%	134	395	258	18,0%	65,8%	150	420
3	Tổng công ty Cổ phần Bảo Minh (Bảo Minh)	1.058	33,4%	57,5%	454	1.517	1.204	39,4%	56,7%	434	1.562
4	Công ty bảo hiểm Petrolimex (Pijico)	600	45,0%	64,0%	118	447	740	52,0%	64,0%	131	600
5	Công ty cổ phần bảo hiểm Nhà Rồng (Bảo Long)	93			81	131	106			80	120
6	Công ty cổ phần bảo hiểm Bưu điện (PTI)	208	20,0%	22,8%	118	361	691	24,0%	26,6%	114	400
7	Công ty cổ phần bảo hiểm Viễn Đông	30	16,5%	74,9%	147	243	95	19,3%	28,9%	200	350
8	Công ty cổ phần bảo hiểm AAA						4	46,0%	325,0%	80	79
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài		297			642	983	297			658	1.049
9	Công ty liên doanh bảo hiểm quốc tế Việt Nam (VIA)	68	33,2%	50,5%	122	179	77	40,0%	43,4%	118	170
10	Công ty liên doanh bảo hiểm Liên hiệp (UIC)	101	12,8%	56,9%	128	223	112	18,4%	60,0%	135	240
11	Công ty TNHH bảo hiểm Allianz (Việt Nam)	81	9,3%	130,3%	90	108	39	24,3%	145,6%	90	99
12	Công ty liên doanh bảo hiểm Việt Úc	22	22,0%	78,0%	72	99	25	24,0%	79,0%	72	120
13	Công ty bảo hiểm tổng hợp Groupama Việt Nam	0	124,0%	10241,0%	61	65	1	5,0%	972,0%	75	78
14	Công ty liên doanh TNHH bảo hiểm Samsung Vina	16	50,0%	55,0%	77	116	26	60,0%	47,0%	77	126
15	Công ty TNHH bảo hiểm Châu Á - Ngân hàng công thương (IAI)	9			93	193	18			93	216
Bảo hiểm nhân thọ		7.711			2.153	18.610	8.043			2.333	23.753
Doanh nghiệp trong nước		3.043			739	9.368	3.050			750	10.769
16	Bảo Việt Nhân thọ Việt Nam	3.043			739	9.368	3.050			750	10.769
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài		4.667			1.413	9.242	4.993			1.583	12.984
17	Công ty TNHH bảo hiểm quốc tế Mỹ (AIA)	463	39,0%	46,0%	105	863	520	51,0%	58,0%	189	1.237
18	Công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ Bảo Minh CMG	212	7,0%	23,0%	149	296	285	12,0%	31,0%	184	478
19	Công ty TNHH bảo hiểm Manulife	889	82,0%	27,0%	186	1.722	892	68,0%	25,0%	237	2.443
20	Công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt Nam	3.104	76,7%	24,1%	974	6.360	3.296	82,4%	20,3%	974	8.827
Tổng thị trường¹		12.479			4.195	24.439	13.578			4.697	30.657

¹ Chưa bao gồm số liệu của Vinare

Phụ lục 4: Bồi thường, trả tiền bảo hiểm và dự phòng nghiệp vụ năm 2004 và ước năm 2005 của từng doanh nghiệp

STT	Tên doanh nghiệp	Bồi thường/trả tiền bảo hiểm		Tổng dự phòng nghiệp vụ									
		Năm 2004	Ước 2005	Năm 2004					Ước 2005				
				DP toán học, DP phí	DP bồi thường	DP dao động lớn/đảm bảo cân đối	Dự phòng chia lãi	Tổng số	DP toán học, DP phí	DP bồi thường	DP dao động lớn/đảm bảo cân đối	Dự phòng chia lãi	Tổng số
Bảo hiểm phi nhân thọ		1.717	2.091	1.220	412	933		2.564	1.754	469	1.091		3.313
Doanh nghiệp trong nước		1.675	2.025	1.174	388	890		2.452	1.684	443	1.041		3.168
1	Bảo hiểm Việt Nam	892	920	601	112	409		1.122	852	184	442		1.477
2	Công ty bảo hiểm dầu khí (PVI)	43	63	65	53	100		217	103	49	123		275
3	Tổng công ty Cổ phần Bảo Minh (Bảo Minh)	354	474	218	134	249		602	273	137	290		700
4	Công ty bảo hiểm Petrolimex	283	378	184	30	66		280	293	31	69		393
5	Công ty cổ phần bảo hiểm Nhà Rồng (Bảo Long)	39	51	32	2	10		44	42	6	13		61
6	Công ty cổ phần bảo hiểm Bưu điện	63	125	67	55	53		175	88	35	99		222
7	Công ty cổ phần bảo hiểm Viễn Đông	2	14	9	1	1		11	30	2	5		37
8	Công ty cổ phần bảo hiểm AAA		0					-	3	0	0		3
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài		42	67	46	24	43		113	70	26	49		145
15	Công ty liên doanh bảo hiểm quốc tế Việt Nam (VIA)	16	23	9	5	2		16	11	6	3		20
14	Công ty liên doanh bảo hiểm Liên hiệp (UIC)	14	15	11	6	38		55	12	7	40		59
9	Công ty TNHH bảo hiểm Allianz (Việt Nam)	7	11	4	2	0		6	3	2	1		5
10	Công ty liên doanh bảo hiểm Việt Úc	2	4	11	4	1		15	26	5	2		32
11	Công ty bảo hiểm tổng hợp Groupama Việt Nam	1	0	0	1	-		1	0	1			1
13	Công ty liên doanh TNHH bảo hiểm Samsung Vina	1	11	9	6	3		18	14	6	4		24
12	Công ty TNHH bảo hiểm Châu Á - Ngân hàng công thương (IAI)	0	3	1	0	0		2	4	0	0		4
Bảo hiểm nhân thọ		1.418	2.319	14.677	20	4	1.097	15.799	20.112	21	6	244	20.382
Doanh nghiệp trong nước		1.086	1.664	8.274	-	4	172	8.449	9.690	-	5	236	9.931
16	Bảo hiểm Nhân thọ Việt Nam	1.086	1.664	8.274	-	4	172	8.449	9.690	-	5	236	9.931
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài		332	656	6.404	20	1	926	7.350	10.422	21	1	8	10.452
18	Công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ Bảo Minh CMG	3	31	238	-	-	-	238	410	1		8	419
20	Công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt Nam	308	493	4.372	4	-	926	5.302	7.478	4			7.482
19	Công ty TNHH bảo hiểm Manulife	13	72	1.387	10	1	-	1.398	2.022	13	1		2.036
17	Công ty TNHH bảo hiểm quốc tế Mỹ (AIA)	8	60	406	6	-	-	412	512	3			515
Tổng thị trường		3.135	4.411	15.897	431	937	1.097	18.363	21.866	490	1.097	244	23.696

Phụ lục 5: Cơ cấu đầu tư năm 2004 và ước năm 2005 của từng doanh nghiệp

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Tên doanh nghiệp	Năm 2004			Ước năm 2005			
		Đầu tư ngắn hạn	Đầu tư dài hạn	Tổng số	Tiền gửi, Trái phiếu CP	Cổ phiếu, Trái phiếu DN	BDS, cho vay, uỷ thác đầu tư	Tổng số
Bảo hiểm phi nhân thọ		2.857	1.414	4.271	3.342	486	642	4.469
<i>Doanh nghiệp trong nước</i>		<i>2.337</i>	<i>1.353</i>	<i>3.690</i>	<i>2.706</i>	<i>454</i>	<i>642</i>	<i>3.802</i>
1	Bảo Việt Việt Nam	920	760	1.681	1.276	4	147	1.426
2	Công ty bảo hiểm dầu khí (PVI)	238	15	252	293	14	42	349
3	Tổng công ty Cổ phần Bảo Minh (Bảo Minh)	605	341	945	680	218	84	982
4	Công ty bảo hiểm Petrolimex	185	69	254	94	94	94	282
5	Công ty cổ phần bảo hiểm Nhà Rồng (Bảo Long)	80	19	99	65	35	25	125
6	Công ty cổ phần bảo hiểm Bưu điện	195	77	272	238	48	20	306
7	Công ty cổ phần bảo hiểm Viễn Đông	116	71	187	0	42	231	273
8	Công ty cổ phần bảo hiểm AAA				59			59
<i>Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài</i>		<i>520</i>	<i>61</i>	<i>581</i>	<i>636</i>	<i>31</i>	<i>-</i>	<i>667</i>
9	Công ty liên doanh bảo hiểm quốc tế Việt Nam (VIA)	128	3	131	127	3		131
10	Công ty liên doanh bảo hiểm Liên hiệp (UIC)	172	15	187	195	5		200
11	Công ty TNHH bảo hiểm Allianz (Việt Nam)	52	-	52	79			79
12	Công ty liên doanh bảo hiểm Việt Úc	55	16	71	71	19		91
13	Công ty bảo hiểm tổng hợp Groupama Việt Nam	50	3	54	70	3		73
14	Công ty liên doanh TNHH bảo hiểm Samsung Vina	62	19	81	91			91
15	Công ty TNHH bảo hiểm Châu Á - Ngân hàng công thương (IAI)		4	4	3			3
Bảo hiểm nhân thọ		2.812	13.571	16.383	19.563	731	1.513	21.806
<i>Doanh nghiệp trong nước</i>		<i>2.300</i>	<i>6.298</i>	<i>8.598</i>	<i>8.929</i>	<i>163</i>	<i>1.005</i>	<i>10.097</i>
16	Bảo Việt Nhân thọ Việt Nam	2.300	6.298	8.598	8.929	163	1.005	10.097
<i>Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài</i>		<i>512</i>	<i>7.273</i>	<i>7.785</i>	<i>10.634</i>	<i>567</i>	<i>507</i>	<i>11.709</i>
17	Công ty TNHH bảo hiểm quốc tế Mỹ (AIA)	10	485	495	1.163	-	-	1.163
18	Công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ Bảo Minh CMG	73	130	203	370	-	-	370
19	Công ty TNHH bảo hiểm Manulife	111	1.320	1.431	2.078	2	166	2.246
20	Công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt Nam	318	5.338	5.656	7.023	565	341	7.929
Tổng đầu tư thị trường²		5.670	14.985	20.655	22.905	1.216	2.155	26.276

² Chưa bao gồm số liệu của Vinare

BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG HIỆP HỘI BẢO HIỂM VIỆT NAM 2005



1. Công tác tổ chức của Hiệp hội

Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam được Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính chấp thuận tiến hành Đại hội nhiệm kỳ I với việc công nhận doanh nghiệp bảo hiểm có yếu tố nước ngoài là hội viên chính thức của Hiệp hội. Đại hội đã sửa đổi Điều lệ cho phù hợp với ND/88CP và mở rộng thêm đối tượng hội viên liên kết bao gồm cả các tổ chức hoạt động liên quan tới bảo hiểm. Đại hội Hiệp hội đã kiện toàn tổ chức, Bầu Ban chấp hành, Ban kiểm tra Hiệp hội và sửa đổi Quy chế Tài chính của Hiệp hội. Hiệp hội kiện toàn được 7 Ban chuyên môn bán chuyên trách gồm các Ban: bảo hiểm con người, bảo hiểm hàng hóa, bảo hiểm tàu thủy, bảo hiểm cháy nổ kỹ thuật, bảo hiểm xe cơ giới, bảo hiểm nhân thọ và pháp chế tài chính. Hiệp hội đã kết hợp với Prudential, Bảo Minh CMG, tổ chức thành công giải quần vợt ngành bảo hiểm Việt Nam chào mừng ngày truyền thống và 30 năm giải phòng miền Nam với sự tham dự của 43 đôi nam nữ vận động viên. Tổ chức thành công mít tinh chiêu đãi nhân ngày truyền thống của ngành bảo hiểm với sự tham dự của 150 đại biểu của các doanh nghiệp bảo hiểm, cơ quan và phóng viên báo chí phát thanh truyền hình. Năm 2005 đã kết nạp thêm 3 doanh nghiệp là AAA, Prevoir, ACE Life và 17 hội viên tán trợ.

2. Công tác tuyên truyền

Hiệp hội phát hành được 4 bản tin hàng quý với số lượng 550 bản /kỳ cung cấp thông tin về thị trường bảo hiểm Việt Nam. Đây là ngành có số liệu thống kê toàn thị trường. Hiệp hội phát hành được 1.500 cuốn Kỷ yếu của Hiệp hội nhằm tuyên truyền về lịch sử, điều lệ, quy chế tài chính, bộ máy tổ chức, hoạt động của Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam, danh sách hội viên và tuyên truyền cho các doanh nghiệp bảo hiểm có nhu cầu. Hiệp hội đã viết bài, cung cấp thông tin, trả lời phỏng vấn đề tuyên truyền về Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam, thị trường bảo hiểm, ngành bảo hiểm và doanh nghiệp bảo hiểm trên các báo chí, đài phát thanh, truyền hình, đặc biệt là trên Thời báo Kinh tế, Diễn đàn Doanh nghiệp, Sài Gòn Giải phóng. Hiệp hội tổ chức tuyên truyền về bảo hiểm nhân thọ tại Cần Thơ (khu vực đồng bằng sông Cửu long) Đà Nẵng (miền Trung và Tây nguyên) Hải phòng (đồng bằng Bắc bộ) với sự tham dự của đại diện Tỉnh ủy, UBND, HĐND, MTTQ, Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên các tỉnh thuộc khu vực nói trên do 5 doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ đóng góp kinh phí, được hoan nghênh và đánh giá tốt. Hiệp hội kết hợp với VTV2 tuyên truyền về bảo hiểm xe cơ giới và nội dung Hội nghị tuyên truyền về bảo hiểm nhân thọ đều được các đài truyền hình địa phương đưa tin.

3. Công tác tham gia góp ý, kiến nghị, xây dựng chính sách pháp luật

Hiệp hội đã tham gia và tổ chức cho các doanh nghiệp góp ý xây dựng nhiều dự thảo văn bản pháp luật bao gồm: Dự thảo Luật Du lịch, Dự thảo ND-CP hướng dẫn du lịch lữ hành, Dự thảo Luật Đầu tư (chung), Dự thảo Luật Doanh nghiệp (chung), Dự thảo Luật Hội và Hiệp hội, Dự thảo Nghị định Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt, Dự thảo 21 ND về bảo hiểm bắt buộc cháy nổ, Dự thảo thông tư hướng dẫn thuế GTGT, Thuế TNDN đối với hoạt động kinh doanh bảo hiểm, ND và quyết định ban hành quy tắc biểu phí bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự người kinh doanh vận tải thủy nội địa, tổ chức đóng góp ý kiến xây dựng chuẩn mực kế toán số 19 về Hợp đồng bảo hiểm, Dự thảo ND về hoạt động cho vay, thanh toán, bảo lãnh của các tổ chức phi ngân hàng; Kiến nghị với Bộ Tài chính giải quyết vấn đề thuế thu nhập đối với đại lý có thu nhập cao chỉ phải nộp 5% hoa hồng đại lý và các khoản chi hỗ trợ cho đại lý.

4. Công tác tư vấn về nghiệp vụ bảo hiểm

Tư vấn phản biện xây dựng dự thảo Quy tắc, Biểu phí bảo hiểm bắt buộc cháy nổ, Dự thảo Quy tắc, Biểu phí bảo hiểm bắt buộc TNDS người kinh doanh vận tải thủy nội địa với hành khách và hàng dễ cháy nổ trên đường thủy nội địa. Tham gia góp ý phản biện cho chiến lược phát triển kinh tế xã hội 2006-2010 trong đó có ngành bảo hiểm, thị trường bảo hiểm, cho Dự án trung tâm đào tạo về thực trạng, nhu cầu và mô hình đào tạo cán bộ đại lý bảo hiểm, Tham gia một số diễn đàn và đề tài nghiên cứu về phối hợp hoạt động của bảo hiểm với ngân hàng. Gắn kết đào tạo bảo hiểm với hoạt động bảo hiểm. Tuyên truyền về bảo hiểm

nhân thọ, Phát triển dịch vụ tài chính bảo hiểm tại vùng trọng điểm kinh tế Miền trung

5. Công tác đào tạo một số nghiệp vụ bảo hiểm

Tổ chức hội thảo phần mềm quản lý bảo hiểm với 45 người của các doanh nghiệp bảo hiểm tham dự do I-System tài trợ, Hội thảo về bảo hiểm xe cơ giới và an toàn giao thông tại Hà Nội với 150 người tham dự và tại TP Hồ Chí Minh 110 người tham dự do Hiệp hội Bảo hiểm Phi nhân thọ và Học viện Bảo hiểm Phi nhân thọ Nhật bản tài trợ. Hội thảo về cấp cứu, cứu trợ y tế quốc tế với 40 người tham dự do các chuyên gia của SOS trình bày. Cử 03 học viên là cán bộ bảo hiểm của doanh nghiệp bảo hiểm tham dự khoá đào tạo tại Nhật do Học viện Bảo hiểm phi nhân thọ tài trợ. Tổ chức lớp văn bằng 2 cử nhân bảo hiểm với 16 người thi tuyển đầu vào đạt 100% với 54 người tham gia đào tạo. Tổ chức đào tạo bảo hiểm xe cơ giới tại Học Viện Bảo hiểm Malaysia và Singapore với 20 người tham dự. Đào tạo đại lý bảo hiểm phi nhân thọ với 80 người của IAI. Tham gia dự án “Trung tâm đào tạo bảo hiểm Việt nam của Bộ Tài chính”.

6. Xây dựng chế độ tự quản trong Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam:

Xây dựng và đượ các doanh nghiệp bảo hiểm chấp nhận thông qua các văn bản sau: Quy tắc ứng xử giữa các doanh nghiệp bảo hiểm trong Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam: Bản thoả thuận hợp tác về bảo hiểm tàu thủy, về bảo hiểm cháy nổ kỹ thuật, về bảo hiểm học sinh, về bảo hiểm hàng hoá và bảo hiểm nhân thọ. Xây dựng được 29 thuật ngữ thống nhất khi dịch sang tiếng Việt dùng trong bảo hiểm nhân thọ để người dân dễ hiểu. Xây dựng phần mềm mạng “quản lý đại lý bảo hiểm danh sách đen” giữa các doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ và Lập đường dây nóng phản ánh những vấn đề nổi cộm, vướng mắc trên thị trường bảo hiểm và hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

7. Công tác đề phòng hạn chế tổn thất

Thực hiện đề nghị của UBANGTQG, Hiệp hội đã huy động kinh phí của các doanh nghiệp bảo hiểm xe cơ giới đầu tư xây dựng hàng rào đảm bảo an toàn giao thông tại Thanh Hoá và tại Vinh trị giá 02 tỉ đồng, tài trợ cho Cục Cảnh sát giao thông đường bộ đường sắt tăng cường kiểm tra trọng điểm và khen thưởng thành tích xuất sắc giữ gìn trật tự an toàn giao thông năm 2005 với số tiền 100 triệu đồng.

8. Công tác đối ngoại

Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam đã tích cực quan hệ với các cơ quan tổ chức bảo hiểm quốc tế để mang lại lợi ích cho Hiệp hội và Doanh nghiệp bảo hiểm như: HHHB phi nhân thọ Nhật, Học viện Bảo hiểm phi nhân thọ Nhật Bản tổ chức I-System và SOS quốc tế, Học viện Bảo hiểm Malaysia và Singapore để xây dựng chương trình đào tạo hàng năm. Đi khảo sát và làm việc với Học viện Bảo hiểm, Hiệp hội Bảo hiểm các nước Singapore, Malaysia, Australia và Cathay và Tham dự kỳ họp thứ 31 Hội đồng bảo hiểm các nước ASEAN tại Campuchia.

Tóm lại hoạt động của Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam năm 2005 rất tích cực, khẩn trương, tương đối toàn diện mang lại nhiều lợi ích cho doanh nghiệp hội viên, Hiệp hội xứng đáng là ngôi nhà chung, mang tiếng nói chung của các doanh nghiệp bảo hiểm, Hiệp hội thực sự là cầu nối giữa doanh nghiệp bảo hiểm với cơ quan quản lý nhà nước và người tham gia bảo hiểm. Hoạt động của Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam được Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, VCCI, các Hiệp hội bạn đánh giá cao.